

CÔNG TY CỔ PHẦN TH FOOD VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TH FOOD VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TH FOOD VIET NAM JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109166187

3. Ngày thành lập: 27/04/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 2, Số 25, Đường Hồ Mễ Trì, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng lúa	0111
2.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
3.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
4.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
5.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
6.	Trồng cây hàng năm khác	0119
7.	Trồng cây ăn quả	0121
8.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
9.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
10.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
11.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
12.	Chăn nuôi gia cầm	0146
13.	Chăn nuôi khác	0149
14.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
15.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
16.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
17.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
18.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
19.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
20.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
21.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
22.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
23.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061

24.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
25.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
26.	Sản xuất đường	1072
27.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
28.	Sản xuất mì ống, mì sợi và sản phẩm tương tự	1074
29.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
30.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
31.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Loại trừ hoạt động đấu giá)	4610
32.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
33.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
34.	Bán buôn thực phẩm	4632
35.	Bán buôn đồ uống	4633
36.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
37.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
38.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
39.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
40.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
41.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh	4932
42.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
43.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
44.	Bốc xếp hàng hóa	5224
45.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
46.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: - Hoạt động của các cơ sở lưu trú như: khách sạn; biệt thự du lịch (resort); phòng hoặc căn hộ khách sạn; nhà khách, nhà nghỉ; nhà trọ, phòng trọ; chỗ nghỉ trọ trên xe lưu động; làng sinh viên, ký túc xá sinh viên; nhà điều dưỡng.	5510
47.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610(Chính)
48.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621

49.	Dịch vụ ăn uống khác Chi tiết: - Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng, trong khoảng thời gian cụ thể; - Hoạt động nhượng quyền kinh doanh ăn uống, ví dụ cung cấp dịch vụ ăn uống cho các cuộc thi đấu thể thao hoặc những sự kiện tương tự trong một khoảng thời gian cụ thể. Đồ ăn uống thường được chế biến tại địa điểm của đơn vị cung cấp dịch vụ, sau đó vận chuyển đến nơi cung cấp cho khách hàng; - Cung cấp suất ăn theo hợp đồng, ví dụ cung cấp suất ăn cho các hãng hàng không, xí nghiệp vận tải hành khách đường sắt...; - Hoạt động nhượng quyền cung cấp đồ ăn uống tại các cuộc thi đấu thể thao và các sự kiện tương tự; - Hoạt động của các căng tin và hàng ăn tự phục vụ (ví dụ căng tin cơ quan, nhà máy, bệnh viện, trường học) trên cơ sở nhượng quyền. - Hoạt động cung cấp suất ăn công nghiệp cho các nhà máy, xí nghiệp	5629
50.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
51.	Cho thuê xe có động cơ	7710
52.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
53.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
54.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Các hoạt động vui chơi và giải trí khác (trừ các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề); - Hoạt động của các khu giải trí, bãi biển, bao gồm cho thuê các phương tiện như nhà tắm, tủ có khoá, ghế tựa, dù che v.v...	9329

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 500.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	VŨ LÊ HOÀNG ANH	Tổ dân phố 6, Thị trấn An Dương, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	150.000	1.500.000.000	30,000	031094006310	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	150.000	1.500.000.000	30,000		
2	NGUYỄN KIỀU HƯNG	Xóm 3, Xã Hải Xuân, Huyện Hải Hậu, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	300.000	3.000.000.000	60,000	C5433071	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	300.000	3.000.000.000	60,000		

3	TRẦN THỊ TRUNG ANH	Xóm Núi Sáo, Xã Mỹ Lương, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	10,000	112534396
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	50.000	500.000.000	10,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: BÙI THỊ THANH HƯỜNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 06/05/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 025190000142

Ngày cấp: 19/05/2015

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Thượng, Xã An Thái, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Phòng 30.12 CT11, KĐT Kim Văn Kim Lũ, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội